

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VIẾT 3

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Viết 3

2. Mã học phần: NNTQ 039

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai (Kỳ 1)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Viết 2

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Vũ Trọng Tuấn	0988.735.498	vttuan@saodo.edu.vn
2.	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nthoa@saodo.edu.vn
3.	ThS. Trần Thị Lan Hương	0977.612.288	ttlhuong@saodo.edu.vn
4.	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Viết 3 cung cấp từ mới, hướng dẫn cách viết, cách dùng của từ mới và bài tập luyện viết về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày như: Viết giấy nhắn tin, giới thiệu bạn cùng phòng, đánh giá nhận xét đặc điểm của đồ vật, miêu tả thời tiết, kể về buổi sinh nhật, chuyến du lịch...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
MT1	Kiến thức		
	- Đọc, viết và sử dụng đúng các từ vựng, cấu trúc tiếng Trung trình độ cơ bản: Câu so sánh, động từ năng nguyện, cấu trúc câu phức biểu thị	3	[1.2.1.2.a]

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
MT1	Kiến thức		
	quan hệ nguyên nhân kết quả, giả thiết, câu kiêm ngữ,... - Sử dụng được các từ vựng, cấu trúc trên diễn tả các chủ điểm: Bạn cùng phòng, miêu tả đồ vật, chuyến du lịch, nhật ký,...		
MT2	Kỹ năng		
	- Đặt câu, trả lời câu hỏi với từ vựng và cấu trúc trong tài liệu học tập. - Viết được đoạn văn 250 - 300 chữ về các chủ điểm đã học.	4	[1.2.2.2]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Nắm được cách viết chữ Hán theo chủ điểm bài học.	3	[2.1.4] [2.1.5]
CDR1.2	Trình bày được từ vựng theo chủ đề trong bài học.		
CDR1.3	Nắm được cách dùng của từ mới trong mỗi bài học.		
CDR1.4	Đưa ra và vận dụng được ngữ pháp trong mỗi bài học như: Câu kiêm ngữ, câu so sánh...		
CDR1.5	Nắm được cách trình bày một bài văn tiếng Trung.		

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CĐR1.6	Nắm được cách viết bài văn theo chủ đề bài học.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Viết được các chữ Hán trong các bài học.	4	[2.2.1]
CĐR2.2	Đặt câu được với các từ mới trong bài học.		
CĐR2.3	Viết câu theo nội dung tranh.		
CĐR2.4	Trả lời câu hỏi.		
CĐR2.5	Vận dụng được các cấu trúc đã học: Câu so sánh, động từ năng nguyện, cấu trúc câu phức biểu thị quan hệ nguyên nhân kết quả, giả thiết, câu kiêm ngữ,... để thực hành viết và học làm cơ sở cho các học phần Viết 4.		
CĐR2.6	Viết được đoạn văn từ 200 đến 250 chữ về chủ đề trong bài học.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1] [2.3.2]
CĐR3.2	Tuân thủ đúng văn phong viết của người Trung Quốc.		
CĐR3.3	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.4	Có thái độ học tập và làm việc tích cực với nhiệm vụ được phân công.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1						CDR2						CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	第一课. 留言条 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4		4
2	第二课. 我和我的同屋 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
3	第三课. 买旗袍 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
4	第五课. 这里的天气真好 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
5	第七课. 今天真倒霉 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
6	第八课. 热情的邻居 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
7	第九课. 难忘的生日 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1						CDR2						CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
8	第十课. 一件小事 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
9	第十二课. 美丽的校园 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
10	第十三课. 我们的韩语课 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
11	第十四课. 我的假期计划 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4
12	第十五课. 你抽烟吗? 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2	2	4	4	4	4

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm thường xuyên	1 điểm	20%	Bài tập cá nhân, thực hành viết	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4,	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Tự luận (90 phút)	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5,	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Tự luận (90 phút)	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6,	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và hoàn thành các bài tập tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1]- 刘援 (2006), 体验汉语写作教程 (初级二)

- Tài liệu tham khảo:

[2]- Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2012), *Giáo trình Hán ngữ 3*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3]- Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2012), *Giáo trình Hán ngữ 4*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	<p>第一课. 留言条</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cấu trúc của giấy tin nhắn. - Vận dụng được cấu trúc các phần để viết được một giấy tin nhắn. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、热身活动 二、语言形式 三、练习 	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 12. [2]: Trang 1 - 21. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập viết trong [1]: Bài tập trang 8 - 9. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
2	<p>第二课. 我和我的同屋</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc về câu so sánh với 比, 不如. 	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>- Viết được bài viết giới thiệu đơn giản về đặc điểm của một người.</p> <p>Nội dung cụ thể: 一、热身活动 二、语言形式 三、练习</p>		<p>từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 13 - 24. [2]: Trang 22 - 37. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập viết trong [1]: Bài tập trang 19 - 20.</p>	<p>CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
3	<p>第三课. 买旗袍</p> <p>Mục tiêu bài: - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cách dùng về động từ năng nguyện: 要, 想, 愿意, 应该, 得, 能, 可以. - Vận dụng được ngữ pháp, từ vựng vào bài tập và viết văn về chủ đề giới thiệu về một lần mua sắm của em.</p> <p>Nội dung cụ thể: 一、热身活动 二、语言形式 三、练习</p>	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 25 - 35. [2]: Trang 54 - 69. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập viết trong [1]: Bài tập trang 31 - 32.	
4	<p>第五课. 这里的天气真好</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc “越...越...”, “越来越...”, cách dùng của bổ ngữ thời lượng. - Vận dụng được cấu trúc giới thiệu được về tình hình thời tiết và sự thay đổi thời tiết ở một địa điểm. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、热身活动</p> <p>二、语言形式</p> <p>三、练习</p>	02 (2LT, 0TH,)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 48 - 58. [2]: Trang 88 - 104. [3]: Trang 1 - 14. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập trang 55 - 56. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
5	<p>第七课. 今天真倒霉</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc và cách dùng của bổ ngữ khả năng. - Vận dụng được cấu trúc câu vào bài tập và viết văn về chủ đề sự cố thường gặp trong thiết 	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	bị và các vật dụng hàng ngày. Nội dung cụ thể: 一、热身活动 二、语言形式 三、练习		+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 78 - 89. [2]: Trang 119 - 132. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập trang 85 - 86.	CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
6	第八课. 热情的邻居 Mục tiêu bài: - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cách dùng, cấu trúc 当...的时候, 不管...都... - Vận dụng được trợ từ động thái 着 vào bài tập và viết văn về chủ đề các vấn đề thường gặp trong cuộc sống và quá trình giải quyết. Nội dung cụ thể: 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	02 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 90 - 102. [2]: Trang 149 - 160. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			nhóm trong [1]: Bài tập trang 98 - 99.	
7	<p>第九课. 难忘的生日</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được định nghĩa, cách dùng, cấu trúc câu kiêm ngữ. - Hiểu nghĩa và sử dụng được các từ vựng trong bài. - Viết đúng câu về ngữ pháp và ngữ nghĩa viết tả về buổi tiệc sinh nhật của mình. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、热身活动</p> <p>二、语言形式</p> <p>三、练习</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra giữa học phần 	04 (2LT, 0TH, 2KT)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo cá nhân, theo nhóm học tập. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 103 - 113. [3]: Trang 15 - 30. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập trang 110 - 111. - Hoàn thành bài kiểm tra giữa học phần. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
8	<p>第十课. 一件小事</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách dùng, cấu trúc với 由于, 因此, 因为... 所以..... - Hiểu nghĩa và sử dụng được các từ vựng trong bài. - Viết đúng câu về ngữ pháp và ngữ nghĩa viết tả về những việc nhỏ xảy ra trong cuộc sống. <p>Nội dung cụ thể:</p>	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	一、热身活动 二、语言形式 三、练习		viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 114 - 125. [2]: Trang 149 - 160. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập viết trong [1]: Bài tập trang 121-122.	CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3,
9	第十二课. 美丽的校园 Mục tiêu bài: - Nắm được cách dùng, cấu trúc với 不但...而且..., 即使...也..... - Hiểu nghĩa và sử dụng được các từ vựng trong bài. - Viết đúng câu về ngữ pháp và ngữ nghĩa viết tả về một địa điểm, khu vực. Nội dung cụ thể: 一、热身活动 二、语言形式 三、练习	03 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 146 - 156. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập viết trong [1]: Bài tập trang 152-153.	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3,
10	第十三课. 我们的汉语课 Mục tiêu bài: - Nắm được cách dùng, cấu trúc với 有的...有的..., 或	03 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày cách dùng của từ	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>者...或者....., 一天比一天...</p> <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng được các từ vựng trong bài.</p> <p>- Viết đúng câu về ngữ pháp và ngữ nghĩa viết về tình hình học tập và các học phần.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、热身活动</p> <p>二、语言形式</p> <p>三、练习</p>		<p>vựng viết trong bài học.</p> <p>+ Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài.</p> <p>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 157 - 168.</p> <p>+ Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Làm bài tập viết trong [1]: Bài tập trang 164-165.</p>	<p>CĐR1.5,</p> <p>CĐR1.6,</p> <p>CĐR2.1,</p> <p>CĐR2.2,</p> <p>CĐR2.3,</p> <p>CĐR2.4,</p> <p>CĐR2.5,</p> <p>CĐR2.6,</p> <p>CĐR3.1,</p> <p>CĐR3.2,</p> <p>CĐR3.3,</p>
11	<p>第十四课. 我的假期计划</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Nắm được cách dùng, cấu trúc câu liên động. Cấu trúc 要么...要么...</p> <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng được các từ vựng trong bài.</p> <p>- Viết đúng câu về ngữ pháp và ngữ nghĩa viết về kế hoạch và dự định.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、热身活动</p> <p>二、语言形式</p> <p>三、练习</p>	03 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học.</p> <p>+ Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài.</p> <p>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 169 - 179.</p> <p>+ Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi</p>	<p>CĐR1.1,</p> <p>CĐR1.2,</p> <p>CĐR1.3,</p> <p>CĐR1.4,</p> <p>CĐR1.5,</p> <p>CĐR1.6,</p> <p>CĐR2.1,</p> <p>CĐR2.2,</p> <p>CĐR2.3,</p> <p>CĐR2.4,</p> <p>CĐR2.5,</p> <p>CĐR2.6,</p> <p>CĐR3.1,</p> <p>CĐR3.2,</p> <p>CĐR3.3,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập viết trong [1]: Bài tập trang 175-176.	
12	<p>第十五课. 你抽烟吗?</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách dùng, cấu trúc 连...也/都..., 从...起..., 一方面...一方面... - Hiểu nghĩa và sử dụng được các từ vựng trong bài. - Viết đúng câu về ngữ pháp và ngữ nghĩa viết bày tỏ quan điểm thái độ về một sự việc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、热身活动 二、语言形式 三、练习 	03 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 180 - 190. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập viết trong [1]: Bài tập trang 186-187. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SAO ĐỎ

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Hoa